

# Pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng ở liên bang Nga và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Lê Thị Thu Thủy\*

*Ban Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 4 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 5 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 6 năm 2017

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích pháp luật của Liên Bang Nga về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, so sánh với pháp luật Việt Nam về vấn đề này, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng, trên cơ sở đó hạn chế nợ xấu và tình trạng phá sản ngân hàng. Cụ thể, bài viết đưa ra những kiến nghị như sau: i) Cần đa dạng hóa các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng (bao gồm các biện pháp luật định và theo thỏa thuận); ii) Cần qui định chi tiết các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, cầm giữ tài sản để hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng như cầm cố lại, bảo lãnh độc lập, bảo lãnh hủy ngang, không hủy ngang, về phạm vi bảo lãnh; iii) Về quyền tự chủ của tổ chức tín dụng trong xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại ngân hàng.

**Từ khóa:** Liên Bang Nga, cho vay ngân hàng, biện pháp hạn chế rủi ro.

Hệ thống ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các quan hệ kinh doanh, thương mại giữa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Ngân hàng là trung gian giữa người đi vay (cá nhân, tổ chức có nhu cầu về vốn) và người cho vay (người gửi tiền), trên cơ sở đó đảm bảo sự luân chuyển vốn nhịp nhàng giữa người thừa vốn và người thiếu vốn. Tuy nhiên, để đảm bảo sự hoàn trả các nguồn vốn vay và hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay, ngân hàng phải áp dụng nhiều biện pháp. Có thể nói, việc áp dụng các biện pháp này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần đảm bảo tính thanh khoản của ngân hàng, là nhân tố quan

trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của cả hệ thống ngân hàng, hạn chế sự phá sản tổ chức tín dụng và khủng hoảng ngân hàng. Tuy nhiên, mỗi một quốc gia có những đặc thù riêng trong việc qui định về các biện pháp trên. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích pháp luật của Liên Bang Nga (Nga) về các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng, so sánh với pháp luật Việt Nam về vấn đề này, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng.

## 1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động cho vay theo pháp luật của Liên Bang Nga

Hoạt động cho vay là loại hình hoạt động mang tính chất chủ động của các tổ chức tín

\* ĐT.: 84-904397764.

Email: lttthuy@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4082>

dụng (TCTD) ở Nga, bởi lẽ hoạt động này do chính các TCTD có thể tự quyết định, không phụ thuộc vào các đối tượng khác như trong hoạt động nhận tiền gửi. Các văn bản pháp luật chủ yếu điều chỉnh hoạt động này bao gồm Bộ Luật Dân sự của Nga năm 1994 (có hiệu lực từ năm 1995 và được sửa đổi, bổ sung gần đây nhất vào ngày 03/07/2016), Luật về ngân hàng và hoạt động ngân hàng ngày 2/12/1990 (được sửa đổi, bổ sung gần đây nhất vào ngày 03/07/2016), Luật về Ngân hàng Trung ương Liên Bang Nga ngày 10/07/2002 (sửa đổi, bổ sung ngày 25/11/2009), Luật về cho vay tiêu dùng năm 2013 (có hiệu lực từ 2014).

Theo qui định của Bộ Luật Dân sự Nga (Điều 819 đến điều 821) thì cho vay của các TCTD là một loại cho vay tài sản và các quan hệ cho vay của TCTD được thể hiện bằng hợp đồng tín dụng. Trong hợp đồng tín dụng, ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác (bên cho vay) có nghĩa vụ phải chuyển tiền cho bên vay, còn bên vay có nghĩa vụ hoàn trả tiền đã vay và phải trả lãi (Điều 819 Bộ Luật Dân sự Nga). Vậy theo luật của Nga thì hợp đồng tín dụng là một chế định của luật dân sự và là một loại hợp đồng vay tài sản. Theo qui định tại Điều 807 đến Điều 818 Bộ Luật Dân sự Nga thì trong hợp đồng cho vay tài sản, bên cho vay chuyển nhượng quyền sở hữu tiền hoặc vật khác (vật này được xác định bởi những đặc trưng chung), còn bên vay có nghĩa vụ hoàn trả số lượng tiền đã vay hoặc vật tương đương với chất lượng và số lượng như đã vay.

Hợp đồng tín dụng có nhiều điểm tương đồng với hợp đồng cho vay tài sản, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Các hợp đồng trên đều được xác lập trên cơ sở có sự thỏa thuận của bên cho vay và bên vay.

- Nguyên tắc hoàn trả được áp dụng đối với cả hai loại hợp đồng nêu trên.

- Đối tượng của cả hai loại hợp đồng đều là một số tiền nhất định. Trong hợp đồng cho vay tài sản thì ngoài tiền ra thì đối tượng hợp đồng có thể là vật.

- Các hợp đồng này đều được xác lập trên cơ sở sự tin tưởng, tín nhiệm của các bên chủ thể, đặc biệt là sự tin tưởng của bên cho vay đối với bên vay.

Bên cạnh những điểm chung nêu trên, hợp đồng tín dụng và hợp đồng cho vay tài sản theo pháp luật của Nga cũng có sự khác biệt, thể hiện như sau:

- Chủ thể tham gia hợp đồng tín dụng: bên cho vay chỉ có thể là các TCTD được Ngân hàng Trung ương Nga cấp phép, bên vay vốn có thể được vay khi thỏa mãn các điều kiện luật định. Còn trong hợp đồng cho vay tài sản thì bên cho vay và bên vay là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân.

- Hình thức của hợp đồng: Điều 29 Luật về ngân hàng và hoạt động ngân hàng của Nga và Điều 820 Bộ Luật Dân sự Nga qui định hợp đồng tín dụng bắt buộc phải bằng văn bản. Nếu hợp đồng tín dụng không tuân thủ hình thức này thì sẽ bị tuyên bố vô hiệu. Hợp đồng cho vay tài sản thì có thể bằng văn bản hoặc bằng miệng.

- Đối tượng của hợp đồng tín dụng chỉ có thể là một khoản tiền nhất định được chuyển quyền sở hữu từ bên cho vay sang bên vay [1, tr11], [2, tr.148]. Theo Luật về cho vay tiêu dùng của Nga ngày 21/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2014 thì khoản tiền này có thể bằng nội tệ hoặc ngoại tệ.

Ngoài các qui định về hợp đồng tín dụng nêu trên thì pháp luật của Nga qui định rất cụ thể về các nguyên tắc cho vay của TCTD như nguyên tắc hoàn trả, nguyên tắc có thời hạn, nguyên tắc có lãi, nguyên tắc xác định, nguyên tắc bảo đảm. Nguyên tắc xác định có nghĩa là tất cả các khoản vay đều phải căn cứ vào mục đích được xác định là hợp pháp. Các khoản vay không có mục đích hoặc mục đích phi pháp không được chấp nhận. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu bên vay vốn khi vay tại TCTD phải có bảo đảm cho khoản vay. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, bảo đảm không còn là nguyên tắc bắt buộc trong cho vay tại TCTD theo pháp luật Nga. Luật sửa đổi, bổ sung Điều 72 và 73 Luật về Ngân hàng Trung ương Nga và Điều 33 Luật về ngân hàng và hoạt động ngân hàng năm

2016 thì bảo đảm tiền vay có thể được thực hiện chứ không phải bắt buộc phải thực hiện<sup>1</sup>.

Vậy hoạt động cho vay của TCTD theo pháp luật Nga được khẳng định là loại hoạt động cho vay tài sản. Tuy nhiên, hoạt động này tiềm ẩn rủi ro lớn nên việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro là rất cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng và hạn chế rủi ro tín dụng.

## 2. Các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng theo pháp luật của Liên Bang Nga

Các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay của TCTD rất đa dạng, có thể là các biện pháp do luật định hoặc các biện pháp theo thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay. Các biện pháp kiểm tra, thanh tra, các biện pháp bảo đảm an toàn trong cho vay ngân hàng như qui định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, xử lý nợ xấu cũng được qui định cụ thể trong pháp luật của Nga. Tuy nhiên, ở đây chỉ nhấn mạnh tới các biện pháp bảo đảm được xác lập theo thỏa thuận giữa ngân hàng cho vay và khách hàng vay vốn. Đây là các biện pháp được áp dụng trong thực tiễn hoạt động cho vay của các NHTM tại Nga nhằm hạn chế rủi ro tín dụng.

Bộ Luật Dân sự Liên Bang Nga năm 1994 (có hiệu lực từ ngày 1/1/1995, được sửa đổi, bổ sung ngày 08/03/2015), phần I, chương 23 qui định về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ như phạt vi phạm, cầm cố, cầm giữ tài sản,

bảo lãnh, bảo lãnh ngân hàng, đặt cọc, đặt cược và các biện pháp khác mà pháp luật qui định hoặc các bên thỏa thuận<sup>2</sup>. Các qui định trên về biện pháp bảo đảm chứng tỏ nó tồn tại như một bộ phận không thể thiếu của luật dân sự.

Quan hệ tín dụng thực chất cũng là quan hệ dân sự cho nên các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hoạt động cho vay cũng dựa trên cơ sở các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự. Hay nói cách khác, các biện pháp bảo đảm trong Bộ luật dân sự cũng chính là các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, Luật về ngân hàng và hoạt động ngân hàng của Nga cũng có các qui định cụ thể về các biện pháp bảo đảm đã được qui định bởi Bộ Luật Dân sự. Theo Điều 33 Luật này thì các khoản tín dụng được cấp bởi ngân hàng có thể được bảo đảm bằng cầm cố động sản và bất động sản, thậm chí cầm cố cả các loại chứng khoán của nhà nước, bảo lãnh ngân hàng hoặc các biện pháp khác được pháp luật qui định hoặc các bên thỏa thuận<sup>3</sup>. Tuy nhiên, các nội dung về các biện pháp này thì Luật về ngân hàng và hoạt động ngân hàng ở Nga không điều chỉnh cụ thể. Về vấn đề này, pháp luật Việt Nam cũng có điểm tương đồng, thể hiện ở chỗ: ngoài những qui định trong Bộ Luật dân sự, trong lĩnh vực ngân hàng còn có những qui định cụ thể áp dụng đối với bảo đảm tiền vay như Luật các TCTD năm 2010, Nghị định 163/2006/NĐ - CP về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ - CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ - CP.

Vậy theo pháp luật của Nga thì không định nghĩa về các biện pháp bảo đảm tiền vay mà chỉ liệt kê các biện pháp cụ thể.

<sup>1</sup> Федеральный закон от 3 июля 2016 г. N 362-ФЗ "О внесении изменений в статьи 72 и 73 Федерального закона "О Центральном банке Российской Федерации (Банке России)" и статью 33 Федерального закона "О банках и банковской деятельности" внесены изменения. Статья 33: "Обеспечение возвратности кредитов

Кредиты, предоставляемые банком, могут обеспечиваться залогом недвижимого и движимого имущества, в том числе государственных и иных ценных бумаг, банковскими гарантиями и иными способами, предусмотренными федеральными законами или договором".

<sup>2</sup> Исполнение обязательств может обеспечиваться неустойкой, залогом, удержанием вещи должника, поручительством, независимой гарантией, задатком, обеспечительным платежом и другими способами, предусмотренными законом или договором.

<sup>3</sup> Кредиты, предоставляемые банком, могут обеспечиваться залогом недвижимого и движимого имущества, в том числе государственных и иных ценных бумаг, банковскими гарантиями и иными способами, предусмотренными федеральными законами или договором.

Tuy nhiên, trong một số các công trình khoa học của các tác giả người Nga cũng đã đưa ra khái niệm này. Chẳng hạn như: "Bảo đảm tiền vay được hiểu là các biện pháp hay công cụ để củng cố việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng" [3, tr. 231]; hay "Bảo đảm tiền vay là các hình thức đảm bảo việc trả nợ của người vay trước ngân hàng trong trường hợp người vay không thể trả nợ trong tương lai" [4, tr. 99]. Tóm lại, các biện pháp này có mục đích là hạn chế rủi ro cho ngân hàng trong việc thu hồi vốn cho vay.

Các biện pháp hạn chế rủi ro nêu trên có thể áp dụng đơn lẻ hoặc áp dụng đồng thời để bảo đảm cho khoản vay. Các biện pháp này có các đặc điểm sau đây:

- Biện pháp bảo đảm vô hiệu không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của hợp đồng tín dụng<sup>4</sup>;

- Khi hợp đồng tín dụng bị vô hiệu thì những hậu quả xảy ra do hợp đồng này vô hiệu gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc cũng được bảo đảm<sup>5</sup>. Hay nói cách khác, hợp đồng tín dụng vô hiệu thì hợp đồng bảo đảm không vô hiệu theo.

- Hợp đồng tín dụng chấm dứt hiệu lực thì bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cũng chấm dứt hiệu lực theo, trừ trường hợp pháp luật có qui định hoặc các bên có thỏa thuận khác.

Vậy các biện pháp bảo đảm tiền vay có tính độc lập, không phụ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Điều này cho thấy, trong mọi trường hợp khi rủi ro tín dụng xảy ra thì ngân hàng cho vay vẫn có thể xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu bên thứ 3 trả nợ cho ngân hàng. Điều này hạn chế phần nào rủi ro tín dụng cho ngân hàng cho vay. Sau đây sẽ phân tích cụ thể từng biện pháp bảo đảm tiền vay:

#### *Cầm cố tài sản:*

Theo Bộ Luật Dân sự của Nga, Khoản 1 Điều 334 qui định: trong cầm cố thì bên nhận

cầm cố (bên cho vay) có quyền ưu tiên nhận được khoản bồi hoàn cho khoản vay từ giá trị của tài sản bảo đảm (đối tượng của cầm cố) so với các chủ nợ khác của bên cầm cố khi khách hàng không được trả nợ hoặc không được trả nợ đầy đủ. Vậy ở đây có sự phân biệt đối xử giữa các bên: bên nhận cầm cố (ngân hàng cho vay) và các chủ nợ khác của bên cầm cố. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ, nếu còn dư số tiền thì mới đến lượt các chủ nợ khác của bên cầm cố.

Ngoài ra, trong trường hợp pháp luật qui định, bên nhận cầm cố có thể nhận chính tài sản cầm cố thay vào nghĩa vụ trả nợ của khách hàng.

Pháp luật Nga (giống pháp luật Việt Nam) thừa nhận hai phương thức cầm cố: có chuyển giao tài sản cầm cố và không chuyển giao tài sản cầm cố<sup>6</sup>. Tuy vậy, việc giao tài sản cho bên nhận cầm cố là điểm đặc trưng của cầm cố vì tài sản phải đăng ký quyền sở hữu có số lượng ít hơn tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu.

Theo thông lệ, ngân hàng chỉ cho vay với số tiền không lớn hơn 50% giá trị của tài sản cầm cố (động sản và bất động sản) [5, tr.65]. Và do đó đã hạn chế được đến mức tối thiểu các trường hợp rủi ro tín dụng.

Ở Liên Bang Nga, theo Bộ Luật Dân sự năm 1994, Luật về cầm cố bất động sản năm 1998 (sửa đổi, bổ sung ngày 30/12/2004), đối tượng của cầm cố có thể là động sản, bất động sản hoặc có thể là bất kỳ tài sản nào hoặc quyền tài sản (Điều 336 Bộ Luật Dân sự). Tuy nhiên, pháp luật có đưa ra một số những hạn chế nhất định. Ví dụ, đối tượng của cầm cố không thể là tài sản cầm lưu thông và quyền nhân thân (quyền đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến sức khỏe và cuộc sống...), quyền nhận lương hưu và trợ cấp.

Có thể nói, cầm cố bất động sản "hypotheca" đã xuất hiện từ rất lâu và có nguyên gốc từ chữ Hy Lạp. Nó được hiểu là: "Một cái bảng được đặt trên một mảnh đất đã cho thuê để làm dấu hiệu cho người thuê biết

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 329 Bộ Luật Dân sự của Nga năm 1994, được sửa đổi, bổ sung năm 2015

<sup>5</sup> Khoản 3 Điều 329 Bộ Luật Dân sự của Nga năm 1994, được sửa đổi, bổ sung năm 2015

<sup>6</sup> Xem Điều 5 Luật về cầm cố của Nga ngày 29.05.1992

không được mang đi bất cứ cái gì từ mảnh đất này cho đến khi trả toàn bộ số tiền thuê cho người cho thuê. Hay nói cách khác, toàn bộ tài sản trên mảnh đất thuê là tài sản cầm cố để đảm bảo cho việc trả tiền thuê đất" [1, tr.155].

Ở nước Nga, vào thời vua Alecxay Mikhailovich (1649) cầm cố bất động sản có đặc trưng so với các loại cầm cố khác ở chỗ trong trường hợp con nợ không thực hiện nghĩa vụ thì bất động sản không thuộc quyền sở hữu của chủ nợ (tài sản cầm cố sẽ bị bán để trả nợ cho chủ nợ, nếu thừa thì sẽ trả lại cho con nợ), trong khi đó đối với cầm cố động sản thì trong trường hợp con nợ không thực hiện nghĩa vụ, tài sản cầm cố sẽ thuộc quyền sở hữu của chủ nợ [6, tr. 346]. Do vậy, cầm cố bất động sản là biện pháp bảo đảm hữu hiệu, bảo đảm được sự cân bằng tương đối giữa lợi ích của chủ nợ và của người mắc nợ (ví dụ, họ có thể sử dụng đất đai để trồng trọt, tạo lợi nhuận để trả nợ). Tuy nhiên, vào thời kỳ này, việc cầm cố lại bất động sản bị nghiêm cấm, do vậy đây là điểm bất hợp lý đối với những tài sản cầm cố có giá trị lớn.

Pháp luật hiện hành của Nga về cầm cố bất động sản (BLDS năm 1995, Luật cầm cố 1992, Luật cầm cố bất động sản năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật này ngày 30/12/2004) đã khẳng định đây là loại cầm cố không chuyển giao tài sản, bởi lẽ bất động sản là những tài sản không di dời được, không thể chuyển từ tay người này sang tay người khác được. Trong trường hợp này người cầm cố vẫn có thể sử dụng tài sản cầm cố cho mục đích của mình, còn người nhận cầm cố có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng này để tránh tình trạng tài sản cầm cố bị phá hủy và "bị triệt tiêu". Hợp đồng cầm cố bất động sản không bắt buộc phải công chứng, trừ trường hợp các bên trong hợp đồng có thoả thuận khác. Theo hợp đồng cầm cố đất, tài sản cầm cố không chỉ là đất đai mà còn bao gồm cả các tài sản đang có và sẽ có trên mảnh đất đó. Điều này khẳng định, đất và tài sản trên đất là một khối thống nhất, không tách rời nhau, do vậy nó cần phải được định giá khi cầm cố. Ngoài ra, bất động sản đang trong tình trạng bị cho thuê cũng có thể được đưa ra để cầm cố.

Cũng theo pháp luật ở Liên Bang Nga, đối với việc cầm cố doanh nghiệp (khi nó là một khối tài sản thống nhất) thì tài sản cầm cố bao gồm toàn bộ tài sản trên bảng tổng kết, bao gồm cả tài sản cố định, lưu động, các tài sản khác và toàn bộ các khoản nợ và các quyền đối với con nợ của doanh nghiệp; Không cầm cố đối với doanh nghiệp đã bị Toà án ra Quyết định mở thủ tục giải quyết phá sản. Ngoài ra, khi doanh nghiệp bị cầm cố thì cũng nghiêm cấm việc tổ chức lại doanh nghiệp trong suốt thời hạn cầm cố. Đối với tài sản cầm cố là doanh nghiệp Nhà nước thì yêu cầu bắt buộc phải có sự đồng ý của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp.

Để phù hợp với thông lệ quốc tế và những sửa đổi trong BLDS năm 2015 ở Việt Nam về cầm cố bất động sản, pháp luật Việt nam cần có những qui định chi tiết, cụ thể về cầm cố bất động sản, tạo điều kiện cho người dân thực thi pháp luật, tránh tình trạng luật ban hành "rời để trưng bày trong phòng tranh", khó thực thi.

Trong trường hợp cầm cố quyền tài sản (là quyền trị giá được bằng tiền), BLDS Việt nam yêu cầu bên cầm cố phải giao cho bên nhận cầm cố giấy tờ xác nhận quyền tài sản đó và phải báo cho người có nghĩa vụ về việc cầm cố quyền tài sản đó. Quyền tài sản dùng để cầm cố bao gồm: quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, đối với giống cây trồng, quyền đòi nợ, quyền nhận số tiền bảo hiểm đối với vật bảo đảm, quyền tài sản đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng và các quyền tài sản khác thuộc sở hữu của bên bảo đảm. Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo qui định của BLDS và pháp luật về tài nguyên.

Pháp luật Việt Nam không có qui định rõ (một cách trực tiếp) về việc có được cầm cố quyền nhân thân (quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân) và quyền yêu cầu về bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, theo Điều 25 BLDS năm 2015 thì quyền nhân thân không thể chuyển giao cho người khác, do vậy không thể là đối tượng của cầm cố theo pháp luật Việt Nam. Về vấn đề này, pháp luật nước ngoài có qui định rất cụ thể và các quyền này là đối tượng bị cầm đưa ra

cầm cố (Ví dụ, theo pháp luật của Đức, hoặc theo Khoản 1 Điều 336 BLDS của Liên Bang Nga năm 1995). Ngoài ra, cầm cố quyền cầm cố cũng được pháp luật của Liên Bang Nga cho phép trong trường hợp cầm cố cả quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng chính (ví dụ nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng). BLDS của Nhật bản (Điều 348, 360) cũng có ghi nhận việc cầm cố lại, theo đó người nhận cầm cố có quyền cầm cố lại, nghĩa là dùng tài sản cầm cố đã nhận để bảo đảm một nghĩa vụ khác như tài sản thuộc sở hữu của mình với điều kiện là thời hạn cầm cố lại không được dài hơn thời hạn cầm cố lần đầu tiên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay qui định này vẫn vắng bóng trong pháp luật Việt Nam.

Theo pháp luật của Nga, cầm cố có thể được thực hiện bởi khách hàng vay vốn hoặc bên thứ ba. Điều này giống với qui định trong pháp luật Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn vay trong trường hợp khách hàng không có bảo đảm, trên cơ sở đó hạn chế rủi ro cho ngân hàng. Hình thức của cầm cố bắt buộc phải bằng văn bản và trong trường hợp nhất định, các thông tin về cầm cố bắt buộc phải được đăng ký trong hệ thống đăng ký thông tin quốc gia nhằm công khai thông tin cho bên thứ ba và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể này. Các trường hợp đó là: cầm cố các quyền tài sản mà các quyền này theo qui định của pháp luật phải được đăng ký; cầm cố tài sản của người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn (Khoản 1 Điều 339 Bộ Luật Dân sự của Nga). Trong các trường hợp này, hợp đồng cầm cố phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký.

Pháp luật của Nga có các qui định rất cụ thể về từng loại cầm cố, như cầm cố quyền tài sản của các chủ thể trong doanh nghiệp, cầm cố chứng khoán, cầm cố sổ tiết kiệm, cầm cố quyền đối với chứng khoán, cầm cố quyền sở trí tuệ. Từ đó cho thấy các đặc thù trong từng loại cầm cố chứng khoán.

Điểm khác biệt trong pháp luật của Nga so với pháp luật Việt nam về cầm cố ở chỗ: nếu như pháp luật không qui định hoặc các bên không thỏa thuận khác thì trong trường hợp số

tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bên nhận bảo đảm có quyền xiết nợ từ tài sản khác của bên bảo đảm (Khoản 3 Điều 334 Bộ luật Dân sự của Nga). Ngoài ra, nếu tài sản cầm cố không thuộc sở hữu của bên cầm cố và bên nhận cầm cố không biết về tình trạng này của tài sản cầm cố thì chủ sở hữu đích thực của tài sản cầm cố sẽ chịu trách nhiệm thay cho bên cầm cố (nếu pháp luật hoặc các bên trong hợp đồng cầm cố không có thỏa thuận khác)<sup>7</sup>. Vậy, trong trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm về việc giao tài sản cho ngân hàng để xử lý nếu đến hạn bên cầm cố (khách hàng) không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

#### *Quyền cầm giữ tài sản*

Cầm giữ tài sản là biện pháp để bảo đảm khoản vay và hạn chế rủi ro tín dụng. Điều này được ghi nhận trong Bộ Luật Dân sự của Nga tại các điều 359, 360. Biện pháp này cho phép ngân hàng đang nắm giữ tài sản của khách hàng có thể dùng tài sản đó để khấu trừ khoản nợ cho khách hàng khi khách hàng không trả được nợ hoặc ngân hàng (chủ nợ) có thể giữ tài sản cho đến khi khách hàng trả nợ đầy đủ cho ngân hàng. Sự khác biệt giữa cầm cố và cầm giữ tài sản ở chỗ khi cầm cố thì bắt buộc phải ký kết hợp đồng bằng văn bản, còn cầm giữ thì không được thể hiện bằng hợp đồng cầm giữ. Hơn nữa, ngân hàng có quyền cầm giữ tài sản của con nợ kể cả khi tài sản này đã được chiếm hữu bởi bên thứ ba. Điều này cho thấy tài sản cầm giữ chính là vật bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, kể cả khi tài sản này không còn thuộc sở hữu của khách hàng vay vốn. Biện pháp cầm giữ tài sản ít khi được áp dụng trong thực tiễn cho vay ngân hàng.

#### *Bảo lãnh*

Bảo lãnh là biện pháp bảo đảm tiền vay hay được các TCTD áp dụng để hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay. Bảo lãnh được qui định cụ

<sup>7</sup> Khoản 2 Điều 335 Bộ luật Dân sự của Nga

thể trong Mục 5 Chương 23 Bộ Luật Dân sự Nga. Khoản 1 Điều 361 Bộ Luật Dân sự Nga ghi nhận: “Theo hợp đồng bảo lãnh thì bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoặc một phần nghĩa vụ của con nợ cho bên nhận bảo lãnh. Hợp đồng bảo lãnh có thể được ký kết để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả tiền hoặc các nghĩa vụ khác, cũng như bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai”.

Vậy cơ sở để thực hiện bảo lãnh chính là hợp đồng bảo lãnh. Trên thực tế hợp đồng bảo lãnh có thể được ký kết vào các thời điểm khác nhau:

- Sau khi ký hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng vay vốn;

- Trước khi ký hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng vay vốn: trường hợp này thường được thực hiện nhiều, bởi lẽ ngân hàng chỉ cho khách hàng vay vốn khi có bảo đảm.

- Hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh được ký kết cùng một thời điểm, theo đó hợp đồng bảo lãnh có sự tham gia của 3 bên chủ thể (bên ngân hàng cho vay, khách hàng vay và bên bảo lãnh).

Hợp đồng bảo lãnh bắt buộc phải ký kết bằng văn bản. Nếu vi phạm qui định này thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu. Về nguyên tắc, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì phạm vi bảo lãnh là toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác mà bên vay vốn phải trả cho ngân hàng cho vay. Trong trường hợp thay đổi phạm vi bảo lãnh nhưng không được sự đồng ý của bên bảo lãnh và sự thay đổi này gây ra những hậu quả bất lợi cho bên bảo lãnh hoặc làm tăng số tiền phải trả thì bên bảo lãnh chỉ bảo đảm trong phạm vi cũ đã được thỏa thuận trong hợp đồng trước đây (Khoản 2 Điều 367 Bộ Luật Dân sự Nga).

Bên bảo lãnh có thể là cá nhân hoặc tổ chức. Bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh nếu bên nhận bảo lãnh vẫn có khả năng đòi nợ từ bên được bảo lãnh. Về nguyên tắc, hợp đồng tín dụng được thực hiện đầy đủ thì hợp đồng bảo lãnh cũng chấm dứt hiệu lực theo. Nếu khách hàng là cá nhân bị chết hoặc là pháp nhân được tổ

chức lại thì hợp đồng bảo lãnh vẫn không bị chấm dứt. Bên bảo lãnh vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (Khoản 4 Điều 367 Bộ Luật Dân sự).

Vậy từ các qui định pháp luật của Liên Bang Nga cho thấy, việc bảo lãnh chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý của bên bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ thay cho khách hàng. Những hành động của những người khác không thể hiện ý chí trên thì không được coi là bảo lãnh. Ví dụ, không thể cho là bảo lãnh những lời khẳng định của một chủ thể nào đó về khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn hoặc việc yêu cầu bên cho vay - tổ chức tín dụng gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn [7, tr. 179].

Trong hợp đồng bảo lãnh cần phải ghi rõ việc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng nào và số tiền được bảo lãnh là bao nhiêu. Thực tiễn xét xử của Tòa án cho thấy, khi trong hợp đồng bảo lãnh thiếu các điều khoản xác định nghĩa vụ được bảo đảm thì hợp đồng bảo lãnh không phát sinh hiệu lực.

Nghĩa vụ trả nợ của bên bảo lãnh chỉ xuất hiện khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ. Trong thực tiễn xét xử của Tòa án việc khách hàng không có khả năng trả nợ đồng nghĩa với việc khách hàng không có đủ nguồn tiền mặt nhất định để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho tổ chức tín dụng [8, tr.14]. Nhiều tác giả có quan điểm hoàn toàn khác và họ cho rằng, bên bảo lãnh có trách nhiệm phải trả cho tổ chức tín dụng khoản tiền mà khách hàng không có khả năng trả nợ vì khách hàng không có một tài sản nào khác để có thể phát mại được (chứ không phải chỉ không có tiền) [9, tr.20].

Bản chất của hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm tiền vay theo pháp luật của Nga là hợp đồng song vụ. Tuy nhiên hiện nay với các cách lập luận khác nhau có nhiều quan điểm cho rằng hợp đồng bảo lãnh trong trường hợp này là hợp đồng đơn vụ. Chẳng hạn: “Hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm tiền vay là hợp đồng đơn vụ và không đền bù, bởi lẽ một bên của hợp đồng - bên bảo lãnh chỉ có nghĩa vụ, còn bên kia là TCTD chỉ có quyền [10, tr. 9].

Hoặc: Trong hợp đồng bảo lãnh, chỉ bên nhận bảo lãnh mới là chủ thể quyền - quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên được bảo lãnh (khách hàng) không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ và bên nhận bảo lãnh hoàn toàn không phải thực hiện nghĩa vụ gì đối với bên bảo lãnh. Ngược lại, bên bảo lãnh là người có nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh và không có quyền yêu cầu đối với bên nhận bảo lãnh.

Hay là: “Để ký kết hợp đồng bảo lãnh cần phải có ý chí không những của bên bảo lãnh mà còn của bên nhận bảo lãnh, nhưng vì rằng bên nhận bảo lãnh (tổ chức tín dụng) là người duy nhất có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho nên hợp đồng bảo lãnh là hợp đồng đơn vụ.

Tuy nhiên, các qui định của pháp luật mặc dù không khẳng định trực tiếp về tính song vụ của hợp đồng những đã gián tiếp cho thấy hợp đồng bảo lãnh là hợp đồng song vụ bởi lẽ khi ký kết hợp đồng phải có sự đồng ý của cả hai bên: bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh; khi nhận được thư bảo lãnh của bên bảo lãnh, ngân hàng, tổ chức tín dụng cần phải trả lời bên bảo lãnh bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý nhận bảo lãnh. Trong trường hợp đồng ý chấp thuận bảo lãnh thì hợp đồng bảo lãnh là hợp đồng song vụ [9, tr. 12], [4].

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc xác định yếu tố thỏa thuận (dấu hiệu chủ yếu trong quan hệ hợp đồng) trong quan hệ bảo lãnh giữa bên nhận bảo lãnh với bên bảo lãnh là điều kiện bắt buộc để thiết lập quan hệ bảo lãnh. Do đó cam kết bảo lãnh của bên bảo lãnh cần phải được nhìn nhận như là cơ sở ban đầu để xác lập hợp đồng bảo lãnh. Nếu bên nhận bảo lãnh không chấp nhận thì quan hệ bảo lãnh không thể được xác lập.

### *Bảo lãnh độc lập*

Bảo lãnh độc lập là biện pháp bảo đảm, theo đó bên bảo lãnh theo yêu cầu của bên được bảo lãnh có trách nhiệm hoàn trả cho bên thứ ba

(bên nhận bảo lãnh) một số tiền nhất định phù hợp với nghĩa vụ của bên được bảo lãnh không phụ thuộc vào tính hiệu lực của hợp đồng được bảo đảm bằng bảo lãnh. Yêu cầu về việc thực hiện số tiền bảo lãnh coi như được thực hiện nếu các điều kiện về bảo lãnh độc lập cho phép bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tại thời điểm đến hạn thực hiện nghĩa vụ đó (Khoản 1 Điều 368 Bộ Luật Dân sự).

Bảo lãnh độc lập bắt buộc phải thể hiện bằng văn bản và có các nội dung chính sau đây: ngày phát hành, bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, nghĩa vụ chính được bảo đảm, số tiền phải thanh toán và phương thức thanh toán, thời hạn bảo lãnh, sự kiện phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên bảo lãnh. Ngoài ra, trong bảo lãnh độc lập có thể có điều kiện về giảm hoặc tăng số tiền bảo lãnh khi đến hạn hoặc có sự kiện nhất định.

Bảo lãnh độc lập do các ngân hàng, các TCTD hoặc các doanh nghiệp thương mại phát hành. Đặc biệt, trong hoạt động cho vay của TCTD thì bảo lãnh ngân hàng là biện pháp phổ biến, do các TCTD đứng ra làm bảo lãnh cho việc trả nợ của khách hàng vay.

Bảo lãnh ngân hàng có thể được thể hiện bằng hợp đồng bảo lãnh ngân hàng hoặc thư bảo lãnh, có thể hủy ngang hoặc không hủy ngang. Nếu là bảo lãnh hủy ngang thì ngân hàng bảo lãnh có thể chấm dứt bảo lãnh bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, khi ngân hàng cho vay đã gửi yêu cầu cho ngân hàng bảo lãnh về việc thanh toán tiền cho bên bảo lãnh thì bảo lãnh ngân hàng vẫn có hiệu lực và bên bảo lãnh vẫn phải trả nợ thay (kể cả đối với trường hợp bảo lãnh hủy ngang) [11, tr.395]. Đây là đặc trưng của bảo lãnh ngân hàng nhằm bảo vệ quyền đòi nợ của ngân hàng cho vay.

Vậy theo pháp luật của Nga thì bảo lãnh ngân hàng khác với bảo lãnh ở những điểm sau đây:

- Bảo lãnh ngân hàng luôn là bảo lãnh độc lập, hiệu lực của nó hoàn toàn không phụ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng chính.
- Bên bảo lãnh trong bảo lãnh ngân hàng là các TCTD, còn trong bảo lãnh nói chung – chủ thể bảo lãnh là các tổ chức, cá nhân.



- Bảo lãnh ngân hàng được thể hiện bằng thư bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo lãnh, còn bảo lãnh nói chung được thể hiện bằng hợp đồng.

Đặt cọc, phạt vi phạm, bảo hiểm khoản vay

#### *Đặt cọc*

Ngoài các biện pháp bảo đảm nêu trên, pháp luật của Nga còn qui định các biện pháp bảo đảm tiền vay như đặt cọc, phạt vi phạm, bảo hiểm khoản vay.

Đặt cọc trong vay vốn ngân hàng là việc bên vay vốn đặt một số tiền nhất định để bảo đảm cho việc trả nợ của bên vay tại ngân hàng khi ký kết hợp đồng tín dụng (căn cứ vào Điều 380 Bộ Luật Dân sự của Nga). Hợp đồng đặt cọc phải được xác lập bằng văn bản. Trong trường hợp vì lý do nào đó hợp đồng tín dụng đã ký nhưng không thực hiện theo thỏa thuận của các bên thì khoản đặt cọc này phải được hoàn trả cho bên đặt cọc.

Trong trường hợp hợp đồng tín dụng không được thực hiện do lỗi của bên đặt cọc thì số tiền đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc (ngân hàng cho vay). Nếu việc này do lỗi của bên nhận đặt cọc thì bên nhận đặt cọc phải hoàn trả cho bên đã đặt cọc số tiền gấp đôi khoản đặt cọc. Ngoài ra, bên có lỗi dẫn đến hợp đồng tín dụng không được thực hiện thì bên đó có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại thực tế đã xảy ra cho bên kia (Khoản 2 Điều 382 Bộ Luật Dân sự của Nga).

#### *Phạt vi phạm*

Theo pháp luật của Nga thì phạt vi phạm cũng được áp dụng để bảo đảm tiền vay tại ngân hàng. Theo Khoản 1 Điều 330 Bộ Luật Dân sự thì phạt vi phạm được hiểu là việc bên có nghĩa vụ phải chuyển giao một số tiền nhất định cho bên có quyền trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, kể cả trong trường hợp quá thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Đối với phạt vi phạm thì bên có quyền không phải chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra.

Phạt vi phạm bắt buộc phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu không tuân thủ hình thức

này thì hợp đồng phạt vi phạm sẽ bị vô hiệu. Phạt vi phạm có thể được luật định hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

#### *Bảo hiểm cho khoản vay*

Các bên tham gia quan hệ cho vay có thể mua bảo hiểm cho khoản vay ở TCTD, trên cơ sở đó bảo đảm nghĩa vụ trả nợ và hạn chế rủi ro tín dụng. Đây là biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận hay được áp dụng bởi các TCTD ở Nga [4, tr.142]. Ngân hàng cho vay sẽ được nhận bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm phát sinh (khách hàng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng), trong khi khoản phí bảo hiểm do khách hàng có nghĩa vụ phải chi trả.

### **3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng**

Qua nghiên cứu một số biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của TCTD theo pháp luật của Nga, có thể rút ra kết luận sau đây:

- Pháp luật nên qui định nhiều biện pháp bảo đảm tiền vay để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các biện pháp này có thể là luật định, cũng có thể là theo sự thỏa thuận của các bên. Đặc biệt trong bối cảnh hệ thống ngân hàng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế thì ngoài các biện pháp truyền thống như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, các biện pháp khác, phi truyền thống như cầm giữ tài sản, bảo hiểm cho khoản vay cũng nên được luật định cụ thể để có cơ sở các bên thực hiện và bảo đảm thu hồi nợ vay.

- Các biện pháp bảo đảm cần được qui định cụ thể, chi tiết bao nhiêu càng dễ thực hiện bấy nhiêu. Tuy nhiên, những vấn đề liên quan đến quyền tự chủ, tự quyết của các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng thì để cho các bên tự thỏa thuận như vấn đề giá trị tài sản bảo đảm tiền vay, về hiệu lực của hợp đồng bảo đảm tiền vay, về loại bảo đảm tiền vay...

- Đối với biện pháp cầm cố: nếu cầm cố bất động sản thì tài sản cầm cố không chỉ là đất đai

mà còn bao gồm cả các tài sản đang có và sẽ có trên mảnh đất đó. Điều này khẳng định, đất và tài sản trên đất là một khối thống nhất, không tách rời nhau, do vậy nó cần phải được định giá khi cầm cố. Điều này sẽ tạo điều kiện cho bên nhận cầm cố dễ dàng xử lý tài sản để thu hồi nợ, tránh tình trạng bán đất nhưng không bán nhà (thực tế này đã xảy ra ở Việt Nam).

Pháp luật có thể qui định việc cầm cố lại, theo đó người nhận cầm cố có quyền dùng tài sản cầm cố đã nhận để bảo đảm một nghĩa vụ khác như tài sản thuộc sở hữu của mình với điều kiện là thời hạn cầm cố lại không được dài hơn thời hạn cầm cố lần đầu tiên và điều này được sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản cầm cố. Việc qui định như vậy tạo sự linh hoạt trong việc khai thác lợi ích của tài sản cầm cố, trên cơ sở đó bảo đảm được các nghĩa vụ của các chủ thể.

Ngoài ra, để bảo đảm thu hồi nợ vay thì nên có qui định theo hướng nếu như pháp luật không qui định hoặc các bên không có thỏa thuận khác thì trong trường hợp số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bên nhận bảo đảm có quyền xiết nợ từ tài sản khác của bên bảo đảm (Khoản 3 Điều 334 Bộ luật Dân sự của Nga). Như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn trả vốn của bên bảo đảm lẫn việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng cho vay mà không cần phải thông qua thủ tục khiếu kiện tại cơ quan tài phán (như qui định của pháp luật Việt Nam hiện nay).

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng nên ghi nhận trường hợp: nếu tài sản cầm cố không thuộc sở hữu của bên cầm cố và bên nhận cầm cố không biết về tình trạng này của tài sản cầm cố thì chủ sở hữu đích thực của tài sản cầm cố sẽ chịu trách nhiệm thay cho bên cầm cố (nếu pháp luật hoặc các bên trong hợp đồng cầm cố không có thỏa thuận khác). Bởi lẽ trong trường hợp này bên nhận cầm cố là người ngay tình, do vậy quyền lợi của họ vẫn được bảo đảm. Vậy, trong trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm về việc giao tài sản cho ngân hàng để xử lý nếu đến hạn bên cầm cố (khách hàng) không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với biện pháp bảo lãnh: pháp luật Việt Nam có thể qui định: Trong trường hợp thay đổi phạm vi bảo lãnh nhưng không được sự đồng ý của bên bảo lãnh và sự thay đổi này gây ra những hậu quả bất lợi cho bên bảo lãnh hoặc làm tăng số tiền phải trả thì bên bảo lãnh chỉ bảo đảm trong phạm vi cũ đã được thỏa thuận trong hợp đồng trước đây. Điều này hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ bảo lãnh là biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận, trong đó phạm vi bảo lãnh là nội dung bắt buộc phải có trong hợp đồng bảo lãnh.

Ngoài ra, bảo lãnh ngân hàng nên được phân loại thành bảo lãnh hủy ngang hoặc không hủy ngang, trên cơ sở đó bên bảo lãnh xác định được trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh, thậm chí có thể chấm dứt bảo lãnh khi có những sự kiện phát sinh. Tuy nhiên, khi ngân hàng cho vay đã gửi yêu cầu cho ngân hàng bảo lãnh về việc thanh toán tiền cho bên bảo lãnh thì bảo lãnh ngân hàng vẫn có hiệu lực và bên bảo lãnh vẫn phải trả nợ thay (kể cả đối với trường hợp bảo lãnh hủy ngang) [11, tr. 395]. Đây là đặc trưng của bảo lãnh ngân hàng nhằm bảo vệ quyền đòi nợ của ngân hàng cho vay.

#### 4. Kết luận

Pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của TCTD ở Nga có những điểm tương đồng ở mức độ nhất định với pháp luật Việt Nam, tuy nhiên, cũng có sự khác biệt rất rõ nét, thể hiện ở sự đa dạng hóa các biện pháp này và sự cụ thể hóa về từng biện pháp hạn chế rủi ro như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, cầm giữ tài sản, bảo hiểm khoản vay. Có thể nói, với mục tiêu đảm bảo thu hồi nợ của ngân hàng cho vay và an toàn của cả hệ thống ngân hàng, pháp luật của Nga đã có qui định khá linh hoạt về xử lý tài sản bảo đảm khi số tiền thu hồi nợ không đủ để trả nợ cho khoản vay tại ngân hàng. Những đặc thù trong pháp luật của Nga nêu trên là cơ sở để Việt Nam tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của TCTD.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] E.A. Xukhanov (Chủ biên), Giáo trình: Điều chỉnh pháp luật dân sự đối với hoạt động ngân hàng, Matxcova, 1994.
- [2] E.I. Evxticnehev, N.G.Victorova (Chủ biên), Giáo trình Luật Tài chính, 2011.
- [3] Anenkov K., Hệ thống luật dân sự Nga, Matxcova, 1901.
- [4] Olsanuri A.I., Tín dụng ngân hàng: kinh nghiệm ở Nga và các nước trên thế giới, Matxcova, 1997.
- [5] Bulgac K.A., Valeico V.P., Pêtrusina P.A. (Chủ biên), Ngân hàng và thị trường, Kisinốp, 1994.
- [6] G.F.Sersenhevich, Giáo trình luật dân sự của Nga, Tái bản lần thứ 6, 1907.
- [7] Avanexova.G., Việc áp dụng bảo lãnh ngân hàng và hợp đồng bảo lãnh trong thực tiễn hoạt động ngân hàng; Tạp chí: “Kinh tế và pháp luật” số 7 năm 1996.
- [8] Ephimova.L.G., Thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện, thay đổi và chấm dứt hợp đồng tín dụng ngân hàng, Tạp chí: Kinh tế và pháp luật số 3/1994.
- [9] Ephimova.L.G., Bảo lãnh - một biện pháp bảo đảm tiền vay, Tạp chí: Kinh tế và pháp luật số 6/1994.
- [10] Novôxiolova.L., Bảo lãnh - một biện pháp bảo đảm tiền vay, Tạp chí: Kinh doanh và ngân hàng số 31/1994.
- [11] N.D.Eriasvili, Giáo trình: Luật Tài chính, Mátxcova, 2000.

## Law on Risk Limitations in the Russian Federation Credit Institutions Lending Activities and Experience for Vietnam

Le Thi Thu Thuy

*VNU Department of Academic Affairs, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The article analyzes the Russian Federation law on measures to limit risks in credit institutions lending activities comparing it with the same law of Vietnam, and offers lessons for Vietnam to improve the law, thereby limiting bad debts and bankruptcy. Specifically, the article makes the following recommendations: i) Diversifying risk mitigation measures in bank lending (including legislative and agreement measures); ii) Reformulating the measures of pledge, mortgage, guaranty and holdings into repledging, independent guarantee, revocable and irrevocable guarantee, and the scope of the guarantee in order to limit risks in bank lending; iii) The autonomy of credit institutions in dealing with loan security assets at banks.

*Keywords:* Russian Federation, lending activity, measures to limit risks.